

MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ SỞ HỮU VÀ SỬ DỤNG ĐẤT CỦA NGƯỜI CHĂM Ở THÔN HẬU SANH, XÃ PHƯỚC HỮU, HUYỆN NINH PHƯỚC, TỈNH NINH THUẬN

ThS. Lê Trần Quyên
Viện Dân tộc học

Tóm tắt: Bài viết đề cập đến tập quán và biến đổi về sở hữu và sử dụng đất của người Chăm tại thôn Hậu Sanh, xã Phước Hữu (Ninh Phước, Ninh Thuận); tác động của vấn đề này đến quan hệ gia đình và xã hội người Chăm ở nơi đây từ năm 1975 đến nay. Tác động tích cực là cơ sở hạ tầng trong thôn phát triển nhanh, đời sống người dân dần cải thiện, nhận thức của đồng bào Chăm về giá trị đất đai được nâng cao. Tuy nhiên, cũng nảy sinh nhiều vấn đề cần quan tâm như mối quan hệ gia đình và họ hàng bị xáo trộn, mâu thuẫn trong cộng đồng gia tăng khi đất đai trở thành một tài sản có giá trị cao. Bài viết này tập trung vào một số vấn đề về sở hữu và sử dụng đất cũng như một số tác động khiến quan hệ gia đình bị xáo trộn và mâu thuẫn xã hội nảy sinh ở cộng đồng người Chăm hiện nay.

Từ khóa: Dân tộc Chăm, sở hữu đất đai, sử dụng đất đai, Ninh Thuận.

Ngày nhận bài: 2/5/2018; ngày gửi phản biện: 4/5/2018; ngày duyệt đăng: 9/8/2018

Mở đầu

Theo số liệu của Cục Thống kê tỉnh Ninh Thuận năm 2009, thôn Hậu Sanh, xã Phước Hữu, huyện Ninh Phước có 413 hộ, 2.366 nhân khẩu, trong đó có 9 hộ người Kinh, còn lại là người Chăm. Thôn hiện được chia thành 4 tổ nhân dân tự quản, mỗi tổ từ 50 - 90 hộ với khoảng 400 - 500 nhân khẩu. Người Chăm ở đây theo đạo Balamôn nên còn gọi là Chăm Balamôn. Đặc biệt, Hậu Sanh là một trong số ít các thôn người Chăm ở tỉnh Ninh Thuận được thừa hưởng di sản văn hóa của tộc người Chăm xưa để lại, đó là tháp Pô Rômê được xây dựng vào cuối thế kỷ XVI và đầu thế kỷ XVII.

Thôn Hậu Sanh có diện tích đất nông nghiệp là 650ha, trong đó đất trồng lúa là 370ha, còn lại là đất trồng hoa màu. So với thời kỳ chưa thực hiện chính sách giao đất giao rừng, quan hệ sở hữu đất đai của đồng bào Chăm ở thôn Hậu Sanh hiện nay đã có nhiều biến đổi, bởi người dân đã nhận thức được quyền lợi của mình hơn từ khi có sổ đỏ, từ đó đất đai trở thành một tài sản ngày càng có giá trị nên những mâu thuẫn, tranh chấp đất đai trong cộng đồng ngày một gia tăng. Đây cũng là tình trạng chung ở nhiều thôn làng người Chăm của tỉnh Ninh Thuận.

Bài viết này đề cập tới tập quán truyền thống và sự biến đổi về sở hữu và sử dụng đất đai của người Chăm ở thôn Hậu Sanh từ năm 1975 trở lại đây, bởi sau giải phóng năm 1975, đời sống người dân dần đi vào ổn định, những người ly tán do chiến tranh trở về quê để làm ăn, sinh sống. Đặc biệt, trong thời gian này, Nhà nước cũng triển khai nhiều chính sách đất đai, tạo ra những tác động lớn đến kinh tế - xã hội trong cộng đồng người Chăm.

1. Các hình thức sở hữu và sử dụng đất ruộng

1.1. Các hình thức sở hữu và sử dụng đất ruộng tư nhân

1.1.1. Thuê và mượn đất ruộng

Trước năm 1975, hiện tượng cho thuê đất ruộng rất phổ biến do diện tích đất ruộng tập trung nhiều vào tầng lớp phú nông và trung nông lớp trên. Chẳng hạn, ở Ninh Phước, 349 hộ trung nông chiếm 4.200ha ruộng, trong đó khoảng 25% là trung nông lớp trên (Viện Dân tộc học, 1984, tr. 260). Phần lớn tầng lớp trung nông và phú nông này vốn là những tá canh của địa chủ, sau Sắc luật 003/70 của Hộ luật Chăm năm 1973, họ được quyền mua lại sổ ruộng mà họ đã thuê. Từ đó, ruộng đất trở thành một phương tiện kinh doanh và bóc lột sức lao động của những người canh tác, bởi các chủ đất sử dụng nhiều hình thức thuê mượn nhân công hoặc cùng thỏa thuận việc canh tác giữa chủ ruộng và người làm thuê. Trong đó, “ngak ngữ” còn gọi “lãnh ngữ” là hình thức chính, chủ ruộng cho thuê ruộng và quy định số lúa mà người thuê phải nộp. Ở đây, chủ ruộng không tham gia đầu tư hoặc không bị ràng buộc một điều kiện nào, kể cả việc giảm số lúa phải nộp do thời tiết xấu.

Từ năm 1975 đến nay, xuất hiện phổ biến hình thức thuê nhân công có tiền đặt cọc trước hay mượn thẳng. Chủ ruộng được nhận tiền thuê trong cả vụ mùa đó, còn người lãnh ruộng sẽ chịu tất cả giống lúa, phân, trâu bò và nước tưới, rồi cày cấy và lo chăm sóc cây. Đến vụ thu hoạch, người lãnh ruộng được thu hoạch hết số lúa của mình. Ở hình thức này, người lãnh ruộng tự lo việc cúng ruộng và mọi chi phí liên quan.

Riêng hình thức cho mượn đất ruộng, tức “ngak qua” hay “lãnh rẽ” thì chủ ruộng chịu phí tổn cúng ruộng và đứng ra cúng ruộng. Chủ ruộng còn phải chịu giống và chịu ruộng, riêng người lãnh ruộng chỉ lo cày cấy, nước tưới và phân. Đến vụ thu hoạch, người thuê sẽ phải trả bằng thóc chia đều cho hai bên chủ ruộng một phần, người lãnh ruộng một phần.

Bên cạnh đó, còn có trường hợp thuê lao động canh tác trên đất ruộng của gia đình, tức “ngak canh” hay lãnh canh. Chủ ruộng lo giống, trâu bò cày, nước, phân... còn người thuê ruộng chỉ việc lo cày cấy, gieo trồng và chăm bón. Đến mùa thu hoạch, lúa được chia làm ba, chủ ruộng được hai phần còn người làm thuê được một phần. Với hình thức thuê này, chủ ruộng phải lo cúng ruộng và chịu những phí tổn liên quan đến cúng ruộng.

1.1.2. Cầm cố đất ruộng

Bên cạnh thuê và mượn đất ruộng, ở các thôn của người Chăm còn xuất hiện hình thức mới cho thuê đất ruộng, đó là “thục”, diễn ra phổ biến từ những năm 2000. *Thục* là khi chủ

đất có ruộng giao cho người khác sử dụng trong một thời gian nào đó (ghi trong giấy cam đoan giữa hai bên) và bên sử dụng đất phải đưa trước cho chủ ruộng một khoản tiền theo thỏa thuận. Sau khi hết thời gian “*thục*”, người sử dụng đất sẽ được nhận lại khoản tiền bằng đúng số tiền đã đưa cho chủ đất lúc ban đầu.

Hình thức “*thục*” khá phổ biến ở những hộ gia đình nghèo hoặc có hoàn cảnh khó khăn, cần tiền nhưng không có cách nào khác là đem đất đai - tư liệu sản xuất thiết yếu và cũng chính là tài sản quý giá nhất của gia đình đem cầm cố lấy tiền. Vì vậy, *thục* thực chất là hình thức cầm cố tài sản đất ruộng. Sau thời gian giao kèo, muốn lấy lại ruộng thì phải mang đủ số tiền đã nhận trả lại cho bên kia thì mới được nhận lại đất. Đây chính là thực tế gây nên tranh chấp đất đai hiện nay tại cộng đồng Chăm ở thôn Hậu Sanh. Vì có thể chưa hết thời gian *thục* theo như giao kèo, chủ đất đã muốn chuộc ruộng về, nhưng bên sử dụng đất không đồng ý nên dẫn đến tranh chấp. Trường hợp đã đến hạn chuộc ruộng mà chủ đất không có tiền thì họ phải xin khất sau 1 ngày sẽ nhất định lo đủ để trả; tuy nhiên nếu không có đủ thì chủ đất sẽ thỏa thuận với người thuê đến khi nào đủ tiền mới lấy lại ruộng, đến khi không có khả năng lấy lại thì phải bán đất cho người thuê hay người khác.

Thực ra, *thục* và thuê khá giống nhau, nhưng *thục* thì tiền thuê phải trả ít hơn. Nếu giá thuê ruộng là 500 nghìn/sào/3 vụ, thì giá *thục* là trên 10 triệu đồng cho một diện tích đất từ 3-5 sào với thời gian 3 - 5 năm hoặc hơn thế. Thuê đất tính tiền theo từng năm hoặc vụ, còn *thục* thì tính tiền lãi từ việc cho mượn đất bằng giá nông sản được sản xuất trên đất đó. Hầu hết người Chăm ở đây thích hình thức *thục* đất, vì người đem đất đi *thục* sẽ nhận được một khoản tiền lớn, còn người lấy đất có thể sử dụng đất trong một thời gian dài.

1.2. Các hình thức sở hữu và sử dụng ruộng đất công

Trước năm 1975, vùng người Chăm ở Ninh Thuận tồn tại một bộ phận ruộng là *hmu play*, *hmu janung* hay theo cách gọi Chăm - Việt là “*hmu công điền*”. Ruộng tháp thuộc sở hữu của thôn. Một cụ già người Chăm cho biết: “*Mỗi thôn có một ruộng tế tự riêng để cúng đền tháp (4 lần/năm), nhưng trước giải phóng thì mới có loại ruộng này. Bây giờ ruộng tế tự của thôn không còn nữa. Sau khi xóa bao cấp, quỹ đất không còn, đất đai đã chia đều hết cho các hộ gia đình trước đây. Các hộ và các nhân khẩu mới sau này không có đất nữa*” (Nam, dân tộc Chăm, 80 tuổi).

Việc trông coi đền và tháp trước đây vốn là việc của ông Từ ở làng, nhưng từ năm 2001 trở lại đây, huyện đã thông qua Viện bảo tàng cử cán bộ đến bảo vệ và trông coi tháp (Lê Trần Uyên, 2010, tr. 42). Xung quanh sở hữu ruộng đền hoặc tháp ở vùng người Chăm còn có những loại ruộng như *Hmu tabung* (Ruộng kiêng cữ), *Hmu kamnei* (Ruộng cầu khẩn), *Hmu yang* (Ruộng kỵ điền). Trước năm 1975, các loại ruộng này còn tồn tại, nhưng về sau đã đưa vào hợp tác xã (HTX) và thành sở hữu chung dưới sự quản lý của Nhà nước.

Ở thôn Hữu Đức thuộc xã Phước Hữu, trước 1975 có đền thờ Pô Nur Ga (nữ) và có 1 mẫu ruộng dành riêng cho việc cúng bái. Sau năm 1975, Nhà nước thu hồi đất, thôn cũng nộp ruộng này cho Nhà nước, đến nay thôn không còn ruộng hương hỏa nữa. Trước kia có

ruộng của đền và tháp để sản xuất sản phẩm làm lễ cúng, còn nay do không còn ruộng nên đến những ngày lễ của dân tộc, người dân Chăm phải tự đóng góp.

Cũng như ở thôn Hữu Đức, đất đai sở hữu đền tháp ở thôn Hậu Sanh hiện nay đã thay đổi nhiều, bởi người dân không có đất sản xuất nên lấn chiếm đất của làng, không có nhà ở nên lấn sang đất của tháp,... Trước đây, người dân không dám lấn chiếm đất thờ cúng vì sợ bị thần thánh quở phạt, nhưng từ khi thành lập HTX, tất cả đất đai của đền tháp đều được Nhà nước thu lại và chia cho dân, người dân khi được chia lại muốn mở rộng ra nên lấn chiếm thêm đất công. Khi bị tố giác với chính quyền thì hiện tượng này không được giải quyết triệt để, cứ thế diện tích đất đai của đền, tháp bị giảm đi qua từng thời kỳ.

2. Sở hữu và sử dụng đất đai của dòng họ

Gần đây, do tác động của các điều kiện tự nhiên, kinh tế và dân cư, một số loại hình sở hữu ruộng đất truyền thống đã thay đổi và chuyển hóa dần. Đất đai do sở hữu tư nhân và sở hữu tập thể chiếm đa số, trong khi đất đai sở hữu dòng họ giảm dần, có dòng họ còn ít đất đai, dòng họ khác không có đất này nữa. Vì thế, sở hữu đất đai trong dòng tộc hiện nay chỉ còn ở một vài dòng họ và thay vào đó là sở hữu tư nhân hay sở hữu công cộng.

Người Chăm ở thôn Hậu Sanh hiện có 6 dòng họ là: Cà Ná, Đập Đá, Nại, Cú Thang, Đất Đỏ, Lư Hương. Họ lớn nhất trong thôn là họ Đàng thuộc tộc họ Cà Ná, có tới 5 chi. Sau chính sách Khoán 10, đất công đều được Nhà nước thu hồi, nhưng một số dòng họ vẫn giữ đất nghĩa trang của dòng họ. Hậu Sanh có tộc họ Cà Ná gồm nhiều dòng họ, nên mỗi nghĩa trang được giữ lại khoảng 1 - 2 sào, có nghĩa trang nhỏ chỉ khoảng 500m².

Mỗi họ có 3 - 4 sào đất mà người Chăm gọi là nơi để thờ tự cho những người trong họ đã chết. Người chết sau khi chôn dưới đất 1 - 2 năm sẽ được bốc lên đem thiêu, sau đó lấy ít tro để vào nơi thờ tự của dòng họ, gọi là *kút*. *Kút* là do các gia đình trong dòng họ cùng đóng góp để xây dựng. *“Trước đây, mỗi dòng họ đều có kút riêng, mỗi kút của dòng họ có một người quản lý và giữ đất sản xuất riêng của dòng họ. Nhưng đến sau năm 1975 chỉ còn kút của dòng họ, đất sản xuất không còn nữa vì đã đưa vào hợp tác xã”* (Nữ, dân tộc Chăm, 57 tuổi).

Ở mỗi thôn có một khu nghĩa trang chung, nếu đất đó thuộc Nhà nước quản lý mà lấy làm nghĩa trang thì không phải đền bù cho dân. Trường hợp lấy đất của cá nhân làm nghĩa trang chung thì người dân trong thôn phải đóng góp tiền để trả cho người chủ đất đó. Tuy nhiên, nghĩa trang chung của cả thôn thường ở trên núi như trường hợp hai thôn Hậu Sanh và Hữu Đức thuộc xã Phước Hữu. Khi trả lời phỏng vấn, một thông tin viên đã nói: *“Ở thôn Hậu Sanh vẫn còn nhiều nghĩa trang riêng của dòng họ, như họ Cà Ná, họ Nại, họ Đập Đá,... Những kút này đã được xã hội thừa nhận từ trước”* (Nam, dân tộc Chăm, 65 tuổi).

Người trưởng họ có quyền triệu tập các thành viên trong họ để bàn bạc những công việc lớn của dòng họ, chẳng hạn như đám cưới, đám ma. Ngay cả việc giải quyết các tranh chấp cũng thuộc thẩm quyền và trách nhiệm của trưởng họ. Khi trưởng họ và tộc họ không

thể giải quyết được các vụ tranh chấp thì mới giao lại cho chính quyền giải quyết. Trước đây, vai trò của người trưởng họ rất lớn, ông có quyền nắm giữ và phân bổ đất đai cho các thành viên trong dòng họ. Nhưng từ sau năm 1975, đất đai chung của dòng họ được đưa vào HTX và sau đó được Ban quản lý HTX phân bổ theo nhân khẩu cho từng hộ gia đình. Vì vậy, phong tục cúng đất bằng dê (dê là con vật thường được dâng lên làm các lễ cúng) để nhớ công ơn người đã khai phá mảnh đất từ sau giải phóng cũng không còn nữa, vì khi đất vào HTX do Nhà nước quản lý đã chia đều cho nhân khẩu từng hộ (Sakaya, 2013, tr. 167).

Có thể nói, đất đai của dòng họ đã thay đổi trong quá trình phát triển của xã hội, mặc dù vậy ở một mức độ nào đó, đất đai truyền thống của tộc họ như nghĩa trang vẫn tồn tại và không bị mất đi. Tuy nhiên, bên cạnh đó, cũng không ít tộc họ không còn giữ được hoặc chỉ còn giữ lại được một diện tích nhỏ, do bị lấn chiếm. Chính vì thế Phan Đăng Nhật mới có nhận xét: nếu không có chuyện lấn chiếm đất nghĩa địa thì đã không có vụ xử phạt trong luật tục người Chăm (Phan Đăng Nhật, 2003, tr. 181).

Đất nghĩa địa tuy vẫn còn ở một số dòng họ, nhưng đất sản xuất của các dòng họ đã được đưa vào HTX. Do đó: *“Bây giờ khi tộc họ có dịp lễ nào của tộc họ mình thì những thành viên trong dòng họ đây phải có nghĩa vụ đóng góp”* (Nữ, dân tộc Chăm, 47 tuổi). Rõ ràng, trong tâm thức của một bộ phận người Chăm, việc duy trì đất ruộng của dòng họ là cần thiết và mang ý nghĩa tinh thần sâu sắc, vì đó là tính cố kết của mỗi dòng họ, là điều kiện để thực hành các hoạt động văn hóa, xã hội chung của dòng họ.

3. Một số tác động của sự biến đổi sở hữu và sử dụng ruộng đất đến quan hệ gia đình, xã hội người Chăm

3.1. Làm xáo trộn các mối quan hệ tình cảm gia đình và họ hàng

Đất đai trở thành một tài sản có giá trị nên giờ đây kể cả anh chị em trong gia đình, dòng họ cũng không thể cho nhau. Tuy nhiên, nếu bán cho người trong nhà, trong dòng họ thì có thể bán với giá thấp hơn một chút so với bán cho người ngoài. Trước đây, đất đai ở thôn Hậu Sanh có thể cho nhau hoặc mượn để sản xuất, nhưng hiện nay anh em ruột cũng phải thuê trên cơ sở làm giấy tờ cam kết giữa hai bên và có người chứng kiến. Gần đây, tại thôn Hậu Sanh xảy ra không ít mâu thuẫn, tranh chấp liên quan đến đất đai. Các tranh chấp này nếu trong họ tộc không tự giải quyết được thì đưa ra Ban quản lý thôn. Thôn giải quyết qua hai lần hòa giải vẫn chưa được thì đưa lên xã và cũng tiến hành hòa giải hai lần. Đến xã mà không giải quyết được thì đưa lên huyện. *“Trong gia đình mà có xích mích, trước tiên gia đình đó tự giải quyết nhau, không tự giải quyết được mới nhờ đến những người lớn tuổi trong tộc họ, nếu vẫn không giải quyết thì đưa ra chính quyền và sẽ giải quyết theo pháp luật”* (Nữ, dân tộc Chăm, 40 tuổi). Đây là sự khác biệt so với các tranh chấp liên quan đến phong tục như cúng bái, làm đám... do tộc họ phải tự giải quyết, nếu đưa ra thôn thì thôn cũng không giải quyết.

Một số trường hợp điển hình của thôn như việc “hai chị em đã từng cho nhau đất sản xuất nhưng chỉ bằng lời nói. Khi đất đai có giá trị, người em quay lại đòi số đất đã cho chị

gái mình nhưng không được nên họ đưa nhau ra tòa. Mặc dù tòa đã phân xử rõ, nhưng đến nay họ vẫn đối địch với nhau, không ai chịu ai (Nam, dân tộc Chăm, Trưởng thôn, 45 tuổi). Hoặc như câu chuyện hai chị em ruột tranh chấp đất rẫy cũng diễn ra tương tự, do trước kia họ cho nhau đất nhưng nay đất có giá và được đền bù nên nảy sinh tranh chấp. Trường hợp này, cha mẹ, dòng họ giải quyết không được nên phải đưa ra thôn, có sự chứng kiến của đại diện chính quyền xã thì mới tạm ổn.

Trường hợp hai vợ chồng già mà chúng tôi đã có dịp tới nhà và thực hiện phỏng vấn là một điển hình của sự mâu thuẫn giữa sở hữu đất đai truyền thống với sở hữu đất đai theo luật pháp hiện hành. Trước đây, vợ ông được cha mẹ để lại 8 mẫu ruộng. Bởi vì bố mẹ vợ của ông có tất cả 16 mẫu ruộng nhưng chỉ có hai con gái trong đó vợ của ông là chị, nên diện tích ruộng được chia đôi cho hai chị em. Tuy nhiên, sau giải phóng, tất cả đất đai được đưa vào HTX để chia lại cho toàn thể nhân dân và ông bà được chia 5 sào. Rồi 5 sào ấy của ông bà cũng phải để lại cho em gái của vợ, vì có công nuôi dưỡng bố mẹ vợ. Khi phỏng vấn, lúc đầu chỉ ông nói chuyện, nhưng khi bà vợ biết chúng tôi ở Hà Nội vào, bà khóc và hỏi ở Hà Nội có biết hay có được nhìn thấy căn nhà cổ với bàn thờ tổ tiên, cha mẹ của bà không? Khi hỏi rõ thì được biết, bà nói đến căn nhà rất cổ còn bảo lưu nguyên kiến trúc cùng các kỹ thuật, bài trí trong nhà của người Chăm Balamôn. Nó là tài sản mà bố mẹ để lại cho hai chị em bà, nhưng vì em của bà là con gái út trong nhà nên được ở trong căn nhà đó để nuôi dưỡng bố mẹ theo đúng phong tục người Chăm. Sau khi em gái mất, con cháu của em gái bà vẫn sống trong nhà đó và là nơi để bài vị tổ tiên cùng bàn thờ cha mẹ bà. Nhưng cháu của bà đã bán toàn bộ căn nhà cho khách mua ở Hà Nội mà không cho bà biết. Theo luật tục Chăm, điều này là cấm vì đó là nơi thờ tự tổ tiên, cha mẹ. Nếu muốn bán thì phải được bà đồng ý, nhưng theo luật pháp của Nhà nước thì căn nhà ấy thuộc tài sản của gia đình người cháu nên họ có quyền bán. Vì thế, người cháu đã giấu bà, bán nhà đi. Chồng bà kể, khi biết căn nhà bị bán, bà đã đến tận nhà người cháu để can ngăn, nhưng đến nơi chỉ còn lại nền đất trống. Bà đã khóc suốt mấy tháng và cứ trần trụi là bàn thờ tổ tiên cha mẹ bị mang đi nơi khác thì linh hồn người chết không biết đường mà tìm về với con cháu. Có người bà con ra Hà Nội chơi và tình cờ được xem căn nhà của bà, nên đã chụp lại ảnh cha mẹ của bà mang về để bà có thể thờ cha mẹ mình (Lê Duy Đại, 2011, tr. 141). Đến nay, bà vẫn day dứt, nên mỗi khi nhắc đến ruộng đất các cụ và căn nhà ấy là bà lại khóc. Bà bảo, gia đình người cháu từ khi bán căn nhà cổ cũng chẳng ăn nên làm ra hơn mà ngày càng lụi bại đi.

Có thể nói, các mâu thuẫn trên đây xuất phát từ sự biến đổi sở hữu đất đai truyền thống sang loại hình sở hữu mới. Trước đây, khi chưa có “sổ đỏ”, việc mua bán bằng giấy viết tay hoặc thậm chí chỉ bằng lời nói trong các cuộc họp gia đình cũng đã được coi là chính thức phân chia và khẳng định sự sở hữu, nhất là trong quan hệ gia đình. Tuy nhiên, từ khi có chứng nhận quyền sử dụng đất, mâu thuẫn đất đai nhiều hơn vì những lý do nêu trên.

3.2. Mâu thuẫn xã hội gia tăng khi đất đai trở thành tài sản có giá trị

Sự biến đổi về sở hữu đất đai còn tác động tới các quan hệ xã hội của người Chăm ở thôn Hậu Sanh, do có rất nhiều trường hợp tranh chấp diễn ra trong những năm gần đây. Nguyên nhân chủ yếu là các gia đình khi chuyển nhượng quyền sử dụng đất chỉ làm giấy viết tay, chưa đến chính quyền làm lại sổ đỏ. Sau một thời gian, giá đất tăng lên gấp nhiều lần nên chủ cũ muốn chuộc lại mảnh đất ấy bằng cách đưa số tiền đã bán đất cho người mua. Hoặc do hiện tượng thuê đất theo giấy viết cho thuê 10 năm nhưng sau 8 năm thì chủ đất muốn lấy lại để sử dụng vào mục đích khác,... Những vấn đề đó dẫn đến tranh chấp đất đai ngày càng nhiều và đều phải nhờ đến cấp thôn hòa giải, có vụ phải đưa lên cấp xã hay cấp huyện giải quyết. Một trường hợp điển hình là cháu gái đi kiện ông bà, trong khi mảnh đất đó đã được ông bà chia cho bố mẹ của cháu gái ấy. Hành động tranh chấp này không được cộng đồng ủng hộ, thậm chí bị lên án.

Ở thôn Hậu Sanh từ năm 1975 đến năm 2002 có 3 vụ tranh chấp đất đai, phần lớn là chiếm dụng đất công. Từ năm 2003 đến nay, không chỉ nảy sinh thêm nhiều vụ mới, mà các vụ trước đó vẫn chưa được giải quyết triệt để. Một nam người Chăm là trưởng thôn Hậu Sanh đã nói: *“Từ năm 2010, giá đất tăng lên, người dân quên hết tình làng nghĩa xóm mà chỉ nhìn vào giá trị mảnh đất. Những cuộc mua bán đất bằng giấy viết tay trước đây do không được công nhận, họ sẵn sàng coi như chưa có trao đổi mua bán để lấy lại đất đã bán. Vì vậy, tranh chấp diễn ra càng nhiều”*.

Tại thôn Hữu Đức, năm 2011 có một vụ tranh chấp mang tính tập thể về quyền sở hữu đất trồng ở quanh hồ chứa nước Tân Giang cung cấp nước tưới tiêu cho các xã Phước Nam, Phước Hữu,... Hồ xây dựng xong vào năm 2003 do Nhà nước cấp vốn. Trước khi hồ Tân Giang được xây dựng, một số hộ Chăm tự khai phá đất đai để sản xuất, khi bị thu hồi con cháu họ đòi lại vì cho rằng đây là đất của ông cha. Theo đó, *“cũng do có người xúi giục, nên vụ này diễn ra rất âm ỉ, gây náo loạn đến người dân nơi đây, nhất là những người phụ nữ trong gia đình tranh chấp đã phản ứng lại sự cưỡng chế của chính quyền. Sau đó, Hội Phụ nữ của thôn, xã đã phải vào cuộc”* (Thảo luận nhóm cán bộ thôn Hữu Đức). Theo ý kiến của nhiều người dân, nguyên nhân của tình trạng này là do Nhà nước làm xong hồ Tân Giang đã thu hồi toàn bộ đất ruộng một vụ để chia lại cho dân. Các hộ có đất ruộng ở đó hoặc đang bỏ hóa khi bị thu hồi thì cảm thấy không thỏa đáng nên mới đấu tranh đòi lại đất.

Ngoài ra, còn một vụ tranh chấp đất với diện tích khoảng 14ha giữa thôn Hậu Sanh (xã Phước Hữu) và thôn Văn Lâm (xã Phước Nam). Trước kia, người dân ở Văn Lâm sinh sống ở Hậu Sanh, người Chăm ở Văn Lâm là Chăm Hồi giáo, còn ở Hậu Sanh là Chăm Bàlamôn. Bộ phận Chăm Bàlamôn ở Hậu Sanh chuyển đến Văn Lâm sinh sống đã rất lâu, được chính quyền ở đó cấp đất sản xuất và đất ở, nhưng nay họ trở lại Hậu Sanh để đòi đất vì cho rằng đất ở Hậu Sanh là đất ông cha để lại. *“Trên thực tế, họ đã không còn sử dụng đất đó từ lâu lắm rồi, nhưng khi họ nghe nói về quyền sử dụng đất và khoản được đền bù thì họ quay lại đòi”* (Nam, dân tộc Chăm, 50 tuổi). Vụ tranh chấp này xảy ra khoảng năm 2009 và diễn ra khá lâu. Về sau, chính quyền địa phương phải tiến hành cưỡng chế và thu hồi số diện tích đất

bị tranh chấp và giao cho xã Phước Hữu đứng ra quản lý, bởi trước khi xảy ra tranh chấp số diện tích đất này do xã quản lý, nhưng xã đã cho người dân trong thôn Hậu Sanh thuê để sản xuất nông nghiệp.

Kết luận

Tập quán và biến đổi về sở hữu và sử dụng đất đai đã tác động đến nhiều mặt của xã hội người Chăm ở thôn Hậu Sanh. Theo đó, không ít vấn đề bất cập đang diễn ra ở tộc người này. Mặt tích cực của biến đổi ấy là cơ sở hạ tầng phát triển, đời sống người dân dần cải thiện, nhận thức của đồng bào về giá trị đất đai được nâng cao. Song, cũng có nhiều vấn đề nảy sinh cần phải giải quyết, như đất đai mà chị em không nhìn mặt nhau, con cháu bất tuân theo những phong tục tốt đẹp do tổ tiên để lại,...

Qua thực trạng biến đổi về sở hữu và sử dụng đất đai cùng với những tác động của nó cho thấy, giữa luật tục Chăm và luật của Nhà nước có không ít điểm còn chưa khớp nhau. Đây là vấn đề mà các nhà hoạch định chính sách cần quan tâm để có những chính sách phù hợp hơn đối với từng vùng miền và tộc người. Kết quả nghiên cứu này đã chỉ rõ sở hữu đất đai truyền thống biến đổi do thực thi chính sách đất đai của Nhà nước. Từ đó, giúp ích cho việc phát huy những mặt tích cực trong bối cảnh đổi mới và hội nhập với yêu cầu ngày càng phát triển về mọi mặt ở các tộc người nước ta, bất kể chế độ phụ hệ hay mẫu hệ. Tuy nhiên cũng nảy sinh những hệ lụy cần nghiên cứu thấu đáo và giải quyết thỏa đáng.

Tài liệu tham khảo

1. Cục Thống kê tỉnh Ninh Thuận (2010), *Niên giám thống kê năm 2009 tỉnh Ninh Thuận*, Nxb. Thống kê.
2. Lê Duy Đại (Chủ biên, 2011), *Nhà ở của người Chăm Ninh Thuận truyền thống và biến đổi*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
3. Phan Đăng Nhật (Chủ biên, 2003), *Luật tục Chăm và Luật tục Raglai*, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
4. Lê Trần Quyên (2010), “Các hình thức sở hữu đất đai truyền thống của người Chăm ở thôn Hậu Sanh, xã Phước Hữu, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận”, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 6, tr. 40-46.
5. Sakaya (2013), *Tiếp cận một số vấn đề văn hóa ChămPa*, Nxb. Tri thức, Hà Nội.
6. Viện Dân tộc học (1984), “Dân tộc Chăm”, trong: *Các dân tộc ít người ở Việt Nam (các tỉnh phía Nam)*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.